

Số: **145** /2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày **18** tháng **9** năm **2020**

**THÔNG TƯ**

**Quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn của chó, ngựa nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 5 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn của chó, ngựa nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn của chó, ngựa nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Chó, ngựa nghiệp vụ do Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, huấn luyện tạo nguồn và gây giống.

2. Chó, ngựa nghiệp vụ trong thực lực trang bị quân sự được biên chế tại các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 3. Tiêu chuẩn, định lượng ăn của chó, ngựa nghiệp vụ**

1. Tiêu chuẩn, định lượng ăn của chó nghiệp vụ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Tiêu chuẩn, định lượng ăn của ngựa nghiệp vụ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Mức tiền ăn của chó, ngựa nghiệp vụ**

1. Mức tiền ăn của chó nghiệp vụ

a) Mức tiền ăn thường xuyên

Mức ăn	Đối tượng	Mức tiền ăn (Đồng/con/ngày)
Mức 1	Chó giống nhập ở nước ngoài vào Việt Nam kể từ ngày đầu đến tháng thứ 24	88.000

Mức ăn	Đối tượng	Mức tiền ăn (Đồng/con/ngày)
Mức 2	- Chó nhập từ nước ngoài vào Việt Nam kể từ tháng thứ 25 trở đi; - Chó giống; - Chó đưa vào huấn luyện chính khoá tại trường.	75.000
Mức 3	Chó sau khi huấn luyện tại trường có quyết định điều động đưa về các đơn vị làm nhiệm vụ chiến đấu và công tác.	67.000
Mức 4	Chó con mới nhập từ nước ngoài vào Việt Nam và chó con do chó mẹ nhập từ nước ngoài vào Việt Nam sinh sản lứa thứ nhất đến lứa thứ hai, kể từ ngày 15 đến trước 120 ngày (4 tháng) để đưa vào huấn luyện chính khoá.	56.000
Mức 5	Chó con, kể cả chó con do chó mẹ nhập từ nước ngoài vào Việt Nam sinh sản lứa thứ 3 trở đi từ ngày 15 đến trước ngày thứ 120 (4 tháng) để đưa vào huấn luyện chính khoá.	35.000

## b) Mức tiền ăn thêm

Mức ăn	Đối tượng	Mức tiền ăn (Đồng/con/ngày)
Mức 1	- Chó trong thời gian huấn luyện tại trường bị ốm đau, chó cái giống bị sảy thai (thời gian bồi dưỡng từ 3 đến 15 ngày); - Chó đực phối giống trong thời gian phối giống trước và sau khi phối giống 10 ngày; - Chó cái giống có thai từ tháng thứ 2 trở đi cho đến sau khi sinh đẻ 60 ngày.	29.000
Mức 2	- Chó nghiệp vụ khi bị ốm đau (thời gian bồi dưỡng từ 3 đến 15 ngày); - Chó nghiệp vụ trong thời gian trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, truy lùng.	19.000
Mức 3	Chó con từ 4 đến 6 tháng tuổi huấn luyện các khoa mục đầu tiên được thưởng hiện vật để tập phản xạ.	11.000

## 2. Mức tiền ăn thường xuyên của ngựa nghiệp vụ

Mức ăn	Đối tượng	Mức tiền ăn (Đồng/con/ngày)
Mức 1	Ngựa thô, kéo	45.000
Mức 2	Ngựa cưỡi	35.000
Mức 3	Ngựa con	17.000

3. Các mức tiền ăn của chó, ngựa nghiệp vụ quy định tại Thông tư này được tính thống nhất giá gạo tẻ là 13.000 đồng/kg. Trường hợp đơn vị phải mua gạo với giá thực tế cao hơn giá trên thì phần chênh lệch được quyết toán theo quy định; trường hợp mua gạo với giá thấp hơn giá trên thì phần tiền chênh lệch giá gạo được bổ sung để mua lương thực, thực phẩm bảo đảm ăn cho chó, ngựa nghiệp vụ.

### Điều 5. Nguồn kinh phí bảo đảm

Kinh phí bảo đảm chế độ ăn của chó, ngựa nghiệp vụ được tính trong dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm của cơ quan, đơn vị và được hạch toán vào mục 7000, tiểu mục 7007, tiết mục 00, ngành 10 "Chi nuôi súc vật dùng cho hoạt động chuyên môn của ngành".

### Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.
2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 19 Thông tư số 87/2018/TT-BQP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.
3. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

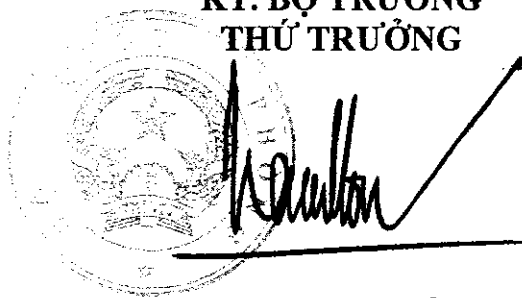
### Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm triển khai Thông tư này.
2. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c TTBP, CNTCCT;
- BTM, TCCT;
- Các Tổng cục;
- BTL: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển;
- Quân chủng: PK-KQ, Hải quân;
- Các Cục: Tài chính/BQP; Quân lực/BTTM; Quân nhu/TCHC;
- Vụ Pháp chế/BQP; Công TTĐT BQP;
- Lưu: VT, THBD. MC24.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Trần Đơn

Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH LƯỢNG ĂN CỦA CHỖ NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 115 /2020/TT-BQP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn, định lượng				
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
<b>I</b>	<b>ĂN THƯỜNG XUYÊN</b>						
1	Gạo tẻ	Gam	500	500	500	300	300
2	Thịt lợn nạc	Gam	350	280	260	180	
3	Thịt bò	Gam	100	80	65	50	50
4	Thịt gà làm sẵn	Gam	100	70	70	50	50
5	Cá tươi	Gam	50	100	100	50	50
6	Dầu, mỡ	Gam	15				
7	Trứng	Gam	50	50	50	50	50
8	Xương	Gam	50	50			
9	Muối	Gam	20	20	20	20	20
10	Mì chính	Gam	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
11	Rau xanh	Gam	300	300	300	200	200
12	Sữa đặc có đường	Gam				200	200
13	Chất đốt (than cám A)	Gam	800	800	800	700	700
<b>II</b>	<b>ĂN THÊM</b>						
1	Thịt lợn nạc	Gam	180	130			
2	Trứng vịt lộn	Gam	50	50	50		
3	Bánh, kẹo	Gam			80		
4	Sữa đặc có đường	Gam	80				
5	Chất đốt (than cám A)	Gam	300	250	100		

**Phụ lục II**

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH LƯỢNG ĂN CỦA NGỰA NGHIỆP VỤ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 115 /2020/TT-BQP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

T T	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn, định lượng		
			Mức 1 (Ngựa thô, kéo)	Mức 2 (Ngựa cưỡi)	Mức 3 (Ngựa con)
1	Gạo tẻ	Gam	3.350	2.600	1.200
2	Muối	Gam	25	25	10
3	Chất đốt (than cám A)	Gam	500	450	350

*ch*

